Ký bởi: Trung tâm Thông tin
Email: ttth@moc.gov.vn
Cơ quan: Bộ Xây dựng

BỘ XÂY DỰNG

Số: 527 /GCN-BXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2019

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét Công văn xin đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty CP tư vấn thiết kế và kiểm định công trình xây dựng Quang Huy và Biên bản đánh giá ngày 20 tháng 5 năm 2019,

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và kiểm định công trình xây dựng Quang Huy

   Địa chỉ: 110/27 Bà Hom, Phường 13, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh

   Mã số thuế: 0304046863

   Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm kiểm định công trình xây dựng

   Địa chỉ: 110/27 Bà Hom, Phường 13, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

   Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 407**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế quyết định số 186/QĐ-BXD ngày 14 tháng 5 năm 2009 của Bộ Xây dựng./.

Nơi nhận:
- Công ty CP tư vấn thiết kế và kiểm định công trình xây dựng Quang Huy ;
- Sở XD Hồ Chí Minh;
- TT thông tin (*Website*);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 407

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
Số: 527 /GCN-BXD, ngày 27 tháng 5 năm 2019)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử (*)
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	- Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:03
2	- Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11
3	- XĐ độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:09
	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
4	- Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:93
5	- Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93
6	- Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:93
7	- Xác định độ hút nước	TCVN 3113:93
8	- Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:93
9	- Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:93
10	- Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:93
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
11	- Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12
12	- Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12
13	- Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12
14	- Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:12
15	- Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:12
16	- Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:12
17	- Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:12
18	- Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12
19	- Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)-trong phòng	22TCN 332-06
20	- Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU;CU;CD;CV)	ASTM D2850-95
21	- Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166-01
22	- Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434-00
	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
23	- Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06
24	- Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06
25	- XĐ KLR, KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06
26	- Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hổng	TCVN 7572-6:06
27	- Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06
28	- XĐ HL bùn, bụi, sét trong cốt liệu và HL sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06
29	- Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06
30	- Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06
31	- Xác định độ nén dập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06
32	- XĐ độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06
33	- XĐ hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06
34	- XĐ hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:06
35	- XĐ hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06
	THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
36	- Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng pp dao đai	22TCN 02-71
37	- Độ ẩm, KLTT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346:06
38	- Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11
39	- PP thử nghiệm XĐ môđun đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:11

40	- Kiểm tra độ nhám bằng phương pháp rắt cát	TCVN 8866:11
41	- XĐ môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:11
	NHỰA BITUM	
42	- Xác định độ kim lún ở 25^0C	TCVN 7495:05
43	- Xác định độ kéo dài ở 25^0C	TCVN 7496:05
44	- Xác định độ nhiệt độ hóa mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497:05
45	- Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05
46	- Xác định tổn thất khối lượng khi đun nóng ở 163^0C trong 5h	TCVN 7499:05
47	- Xác định lượng hòa tan trong Trichlorothylene	TCVN 7500:05
48	- Xác định khối lượng riêng ở 25^0C	TCVN 7501:05
49	- Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:05
	BÊ TÔNG NHỰA	
50	- Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	22 TCN 62:84
51	- Xác định KL TT và KLR của các phối liệu trong hỗn hợp BTN	22 TCN 62:84
52	- XĐ-KLR của bê tông nhựa bằng PP tỷ trọng kế và bằng PP T.toán	22 TCN 62:84
53	- Độ rỗng của cốt liệu và độ rỗng dư ở trạng thái đầm chặt	22 TCN 62:84
54	- Độ bão hòa nước của bê tông nhựa	22 TCN 62:84
55	- Hệ số trương nở của BTN sau khi bão hòa nước	22 TCN 62:84
56	- Cường độ chịu nén	22 TCN 62:84
57	- Hệ số ổn định nước và ổn định nhiệt	22 TCN 62:84
58	- Độ bền chịu nước sau khi bão hòa nước lâu	22 TCN 62:84
59	- Thí nghiệm Marshall (Độ ổn định, chỉ số dẻo, độ cứng quy ước)	22 TCN 62:84
60	- Hàm lượng bitum trong bê tông nhựa bằng PP chiết	22 TCN 62:84
61	- Thành phần hạt cốt liệu của hỗn hợp BTN sau khi chiết	22 TCN 62:84
	THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG B.T.N	
62	- Thành phần hạt	22 TCN 58:84
63	- Hàm lượng nước	22 TCN 58:84
64	- Khối lượng riêng của bột khoáng chất	22 TCN 58:84
65	- KL thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	22 TCN 58:84
66	- Hệ số háo nước	22 TCN 58:84
67	- Hàm lượng chất hòa tan trong nước	22 TCN 58:84
68	- Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22 TCN 58:84

Ghi chú (*) – Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng./.